

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hoàng Phúc
- Ông Nguyễn Đức Bình;

-Thư ký phiên tòa: Trịnh Văn Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10/5/2024, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: **Đường H, tổ F, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: **Đường H, tổ F, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày ngày 8/12/2023, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Võ Thị N** trình bày:* Vào năm 1980 bà **N** và ông **Nguyễn Đức T** được họ hàng hai bên tổ chức lễ cưới nhỏ, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau bà **N** và ông **T** chung sống với nhau tại **thị trấn V** từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, kể từ khi bà **N** sinh con đầu lòng vào năm 1982, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; ông **T** thường xuyên đánh đập bà **N**. Trong cuộc sống vợ chồng, ông **T** là người ích kỷ, độc quyền ghen tuông vô cớ rồi đánh đập bà **N**. Mâu thuẫn giữa bà **N** và ông **T** càng ngày trở nên trầm trọng. Bà **N** đã làm đơn yêu cầu ly hôn ông **T** đến 02 lần, nhưng do ông **T** năn nỉ, nên bà **N** rút lại đơn khởi kiện ly hôn. Từ ngày 6/5/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà **N** yêu cầu được ly hôn.

Bà **N** ông **T** có 06 người con chung, nhưng đều đã trên 30 tuổi. Tài sản chung không tranh chấp.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông **Nguyễn Đức T** không đến tham gia, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **T** và cũng không tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng bà **N**, ông **T** sống với nhau hay la lối, đánh đập nhau, sự việc mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên tuy không đăng ký kết hôn, nhưng họ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 cho đến nay. Do đó căn cứ mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội khóa 10 để công nhận đây là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Đức T, tuy không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 (trước ngày 03/1/1987). Do đó, căn cứ vào điểm a mục 3, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 9/6/2000 của Quốc hội Khóa 10 để công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân thực tế, nên được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của bà N và qua xác minh cho thấy: Ông T có tính: mỗi lần uống rượu về thì hay gây gổ, đánh đập bà N, làm cho cuộc hôn nhân của hai bên không còn hạnh phúc từ lâu nay, nên bà N yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 131, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

[5] Các con của bà N, ông T đều đã trưởng thành, nên không cần phải xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định nhưng do bà N đã trên 60 và có đơn xin miễn án phí, nên chấp nhận.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a mục 3, Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-

QH10, ngày 9/6/2000 của Quốc hội Khóa 10; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Bà **Võ Thị N** ly hôn ông **Nguyễn Đức T.**

2. Về án phí: Bà **Võ Thị N** được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/8/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;

-VKSND huyện;

-CCTHADS huyện;

-Đương sự;

-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái